

## 第17届世界象棋锦标赛

## 首届世界象棋快棋公开赛 第5轮编排对阵表

台号	红方				成绩	黑方			
	编号	单位	姓名	上轮积分		上轮积分	姓名	单位	编号
1	9	中国香港 HKG	冯家俊 FUNG TONY GA ZEN	8	:	8	赵奕帆 CHAO, YI-YIFAN	中华台北 TPE	50
2	25	中国 CHN	王廓 WANG KUO	8	:	7	郑彦隆 CHENG YIN LUNG	中国香港 HKG	39
3	48	越南 VIE	赖理兄 LAI LY HUYNH	7	:	6	刘大湘 LIDA LAU DA XIANG	东马 MAS EAST	13
4	37	中国 CHN	王天一 WANG TIANYI	6	:	6	沈毅豪 SIM YIP HOW	马来西亚 MAS	24
5	41	中国 CHN	左文静 ZUO WENJING	6	:	6	吴宗翰 ALVIN WOO TSUNG HAN	新加坡 SGP	2
6	64	新加坡 SGP	刘亿豪 LOW YI HAO	6	:	6	葛振衣 GE, JEN-YI	中华台北 TPE	10
7	52	中国香港 HKG	梁信谦 LEUNG SHUN HIM	6	:	6	阮黄燕 NGUYEN HOANG YEN	越南 VIE	62
8	65	东马 MAS EAST	叶乃传 YEK NAI TUONG	6	:	6	阮成保 NGUYEN THANH BAO	越南 VIE	34
9	16	菲律宾 PHI	洪家川 HONG CHIA CHUAN	5	:	5	范辉庆 PHAM HUY KHANH	越南 VIE	12
10	19	美国 USA	LE QUANG NHAT	5	:	5	庄宏明 CHONG HEUNG MING	菲律宾 PHI	7
11	57	马来西亚 MAS	李雯宣 LEE MUN YEE	5	:	5	李虢志 LEE WEN ZE	马来西亚 MAS	22
12	29	马来西亚 MAS	黎德志 LI DEZHI	5	:	5	林冠廷 TIMOTHY LIM GUAN TING	马来西亚 MAS	51
13	60	越南 VIE	杜孟胜 DO MANH THANG	5	:	4	邱钰剀 CHIU, YU-KAI	中华台北 TPE	3

裁判长(签名):

编排长:黄义熙

云蛇比赛编排软件

# 第17届世界象棋锦标赛

## 首届世界象棋快棋公开赛 第5轮编排对阵表

台号	红方				成绩	黑方			
	编号	单位	姓名	上轮积分		上轮积分	姓名	单位	编号
14	23	中华台北 TPE	卢政 LU, CHENG-HAO	4	:	4	陈茗芳 FIONA TAN MIN FANG	新加坡 SGP	11
15	1	东马 MAS EAST	洪千惠 VESPERA ANG CHENG WUEY	4	:	4	吴兰香 NGO LAN HUANG	新加坡 SGP	27
16	8	东马 MAS EAST	邱世铭 CLEMENT KIU SIE MIN	4	:	4	林 萱 LIN, YU-HSUAN	中华台北 TPE	31
17	28	中国 CHN	陈幸琳 CHEN XINGLIN	4	:	4	李铭坚 MINGJIAN LI	美国 USA	35
18	36	马来西亚 MAS	陈志霖 TAN CHEE LIM	4	:	4	佐佐木雄 希 SASAKI YUKI	马来西亚 MAS	38
19	40	中华台北 TPE	吴定 WU, TING-HSUA N	4	:	4	黎氏金鸾 LE THI KIM LOAN	越南 VIE	43
20	44	日本 JPN	可儿宏晖 KANI HIROAKI	4	:	4	冯宝娟 PHUNG BAO QUYEN	越南 VIE	54
21	63	中华台北 TPE	彭柔安 PENG, JOU-AN	4	:	4	武阮琼如 VO NGUYEN QUYNH NHU	越南 VIE	66
22	17	马来西亚 MAS	黄睿阳 WONG RUI YANG	3	:	3	曹有恒 TSAO, YU-HENG	中华台北 TPE	47
23	33	日本 JPN	所司和晴 SHOSHI KAZUHARU	3	:	3	郑义霖 CALVIN TAY YELIN	东马 MAS EAST	18
24	4	东马 MAS EAST	张视淳 TEO SHI CHUN	2	:	2	黄祷睿 ELLIS WONG TOH RUI	东马 MAS EAST	6
25	5	中华台北 TPE	谢定恒 HSIEN, DING-HENG	2	:	2	彭思颖 CASEY PHANG SZE YING	东马 MAS EAST	15

裁判长(签名):

编排长:黄义熙

云蛇比赛编排软件

# 第17届世界象棋锦标赛

## 首届世界象棋快棋公开赛 第5轮编排对阵表

台号	红方				成绩	黑方			
	编号	单位	姓名	上轮积分		上轮积分	姓名	单位	编号
26	21	中华台北 TPE	吕承 LU, CHENG-HSU N	2	:	2	曾颜熙 MARCEL CHEN YAN XI	东马 MAS EAST	55
27	32	泰国 THA	郭泽辉 TAWEE DANWIRUNH AWANICH	2	:	2	黄承安 ANSON WEE CHENG ANN	东马 MAS EAST	26
28	45	中华台北 TPE	简子宸 CHIEN, TZU-CHEN	2	:	2	孙庆康 TIMOTHY SNG QING KANG	东马 MAS EAST	59
29	53	中华台北 TPE	陈净寅 CHEN, JING-YIN	2	:	2	瓦尔豆 VAARA, ARTO	芬兰 FIN	49
30	58	中华台北 TPE	张嘉甯 CHANG, CHIA-NING	1	:	0	SAM SLOAN	美国 USA	42
31	30	汶莱 BRU	刘桂华 LAU KUI HWA	0	:	0	詹意 NOREEN CHIENG YI HEE	东马 MAS EAST	46

裁判长(签名):

编排长:黄义熙

云蛇比赛编排软件